

Số: 66/2014/TT-BCA

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2014

**THÔNG TƯ**

**Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP  
ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của  
Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy**

~~Căn~~ *Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22  
tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 quy  
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 quy  
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và  
cứu nạn, cứu hộ;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành  
một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi  
tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về thẩm duyệt, nghiệm thu, kiểm tra, kiểm định, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, thống kê, báo cáo, nội quy an toàn, hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy; vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ; thông báo về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy; phương án chữa cháy; huy động, điều động lực lượng, phương tiện, tài sản tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy; tổ

chức hoạt động của lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành; tạm đình chỉ, đình chỉ và phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, cá nhân; chứng chỉ, giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy; danh mục cơ sở, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao do cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm xây dựng phương án chữa cháy và biểu mẫu để sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.
2. Công an các đơn vị, địa phương.
3. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Mục 1 PHÒNG CHÁY**

#### **Điều 3. Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy**

1. Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, khu dân cư do người đứng đầu cơ sở, khu dân cư lập, lưu giữ, hồ sơ gồm:

a) Quy định, nội quy, quy trình, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy;

b) Hồ sơ thiết kế, văn bản thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (nếu có); văn bản thông báo về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy (nếu có);

c) Sơ đồ bố trí công nghệ, hệ thống kỹ thuật, vật tư có nguy hiểm về cháy, nổ của cơ sở; sơ đồ bố trí khu vực nhiều nhà dễ cháy; vị trí nguồn nước chữa cháy của khu dân cư;

d) Quyết định thành lập đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

đ) Phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt; phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy;

e) Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy; văn bản đề xuất, kiến nghị về công tác phòng cháy và chữa cháy; biên bản vi phạm và quyết định xử lý vi phạm hành chính về phòng cháy và chữa cháy (nếu có);

g) Sổ theo dõi công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và hoạt động của đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành; sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy;

h) Thống kê, báo cáo về phòng cháy và chữa cháy; hồ sơ vụ cháy, nổ (nếu có).

2. Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy của cơ sở quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 79/2014/NĐ-CP) nhưng không phải là cơ sở nguy hiểm về cháy, nổ do người đứng đầu cơ sở lập, lưu giữ theo các nội dung quy định tại các điểm a, d, đ, e và g Khoản 1 Điều này.

Trường hợp cơ sở có thay đổi về quy mô, tính chất sử dụng thành cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thì người đứng đầu cơ sở đó phải lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này.

#### **Điều 4. Thống kê, báo cáo về phòng cháy và chữa cháy**

1. Thống kê về phòng cháy và chữa cháy, gồm:

a) Thống kê số lần kiểm tra, tuyên truyền, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ và xử lý vi phạm về phòng cháy và chữa cháy;

b) Danh sách cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội viên đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành;

c) Thống kê về phương tiện phòng cháy và chữa cháy;

d) Thống kê về thời gian học tập, thực tập phương án chữa cháy; về số vụ cháy, công tác chữa cháy và những nội dung khác liên quan đến hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

2. Báo cáo về phòng cháy và chữa cháy, gồm:

a) Báo cáo về vụ cháy, nổ;

b) Báo cáo về công tác phòng cháy và chữa cháy 06 tháng, 01 năm;

c) Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác phòng cháy và chữa cháy.

3. Thống kê, báo cáo về phòng cháy và chữa cháy định kỳ phải gửi đến cơ quan, tổ chức cấp trên quản lý trực tiếp. Trường hợp có những thay đổi liên quan đến việc bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, tổ chức thì cơ quan, tổ chức đó phải thông báo kịp thời cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy quản lý trực tiếp.

### **Điều 5. Nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy**

1. Nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy gồm các nội dung cơ bản sau: Quy định việc quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ có khả năng sinh lửa, sinh nhiệt; những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; quy định việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy; những việc phải làm để phòng ngừa cháy, nổ hoặc khi có cháy, nổ xảy ra.

2. Sơ đồ chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy phải thể hiện được các hạng mục công trình, hệ thống đường nội bộ, lối thoát nạn, hướng thoát nạn, vị trí nguồn nước chữa cháy và phương tiện chữa cháy. Tùy theo tính chất, đặc điểm hoạt động cụ thể của cơ sở, sơ đồ chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy có thể tách thành các sơ đồ chỉ dẫn riêng thể hiện một hoặc một số nội dung nêu trên.

3. Biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, gồm:

a) Biển cấm lửa, biển cấm hút thuốc, biển cấm cản trở lối đi lại, biển cấm dùng nước làm chất dập cháy. Đối với những nơi sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, khí đốt hoá lỏng, xăng, dầu và những nơi có nguy cơ cháy, nổ cao có thể có biển cấm mang, sử dụng diêm, bật lửa, điện thoại di động, thiết bị thu phát sóng và các thiết bị, vật dụng, chất có khả năng phát sinh nhiệt, tia lửa hoặc lửa thì phải có biển phụ ghi rõ những vật cần cấm;

b) Biển báo khu vực hoặc vật liệu có nguy hiểm về cháy, nổ;

c) Biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, gồm: Biển chỉ hướng thoát nạn, cửa thoát nạn, vị trí để điện thoại, bình chữa cháy, trụ nước chữa cháy, nơi lấy nước chữa cháy, phương tiện chữa cháy cơ giới và phương tiện chữa cháy khác.

4. Quy cách, mẫu biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4879: Phòng cháy - Dấu hiệu an toàn về mẫu mã, kích thước. Trong trường hợp cần phải quy định rõ hiệu lực của biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn thì phải có biển phụ kèm theo.

5. Nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy phải được phổ biến và niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành.

### **Điều 6. Vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ**

1. Điều kiện đối với phương tiện vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ

Phương tiện vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ phải là phương tiện chạy bằng động cơ đốt trong hoặc động cơ phòng nổ và phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Động cơ của phương tiện phải được cách ly với khoang chứa hàng bằng vật liệu không cháy hoặc buồng (khoang) đệm theo quy định;

b) Ống xả của động cơ phải được đặt ở vị trí kín hoặc được che chắn, bảo đảm an toàn về cháy, nổ;

c) Hệ thống điện (kể cả bình ắc quy) phải bảo đảm không phát sinh tia lửa; dây dẫn điện bằng lõi đồng phải bảo đảm cách điện và có tiết diện theo thiết kế;

d) Sàn, kết cấu của khoang chứa hàng và các khu vực khác của phương tiện nằm trong vùng nguy hiểm cháy, nổ phải làm bằng vật liệu không cháy hoặc khó cháy và không phát sinh tia lửa do ma sát;

đ) Phương tiện có mái che chống mưa, nắng;

e) Phương tiện chở chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ có dây tiếp đất. Riêng đối với xe bồn vận chuyên khí đốt hóa lỏng thực hiện theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6484: Khí đốt hóa lỏng - Xe bồn vận chuyên - Yêu cầu an toàn về thiết kế, chế tạo và sử dụng;

g) Có đủ trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

h) Bảo đảm điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định;

i) Phương tiện vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ bằng đường bộ, đường sắt phải có biểu trưng chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ (mẫu số PC01) ở kính phía trước và hai bên thành phương tiện trong suốt quá trình vận chuyên;

k) Phương tiện vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ bằng đường thủy, ban ngày phải cắm cờ báo hiệu chữ "B", ban đêm phải có đèn báo hiệu phát sáng màu đỏ trong suốt quá trình vận chuyên. Quy cách, tiêu chuẩn cờ, đèn báo hiệu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

2. Điều kiện đối với người điều khiển phương tiện, người làm việc, người phục vụ trên phương tiện vận chuyên

a) Người điều khiển phương tiện phải có giấy phép điều khiển phương tiện theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;

b) Người làm việc, người phục vụ trên phương tiện phải có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy.

3. Thủ tục cấp giấy phép vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ, gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ (mẫu số PC02);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ); giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với phương tiện thủy nội địa); giấy chứng nhận kiểm định bao bì, thùng, xi téc chứa chất, hàng nguy hiểm theo quy định của các Bộ, ngành (nếu có); hợp đồng vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ.

b) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm tổ chức kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện (mẫu số PC05) và cấp giấy phép vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ (mẫu số PC01); trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

4. Giám đốc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh), Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh) cấp giấy phép vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ cho phương tiện của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoạt động, cư trú trên địa bàn quản lý.

5. Giấy phép vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ có hiệu lực trên toàn quốc và có giá trị một lần đối với phương tiện có hợp đồng vận chuyên theo chuyến; có giá trị không quá 12 tháng đối với phương tiện vận chuyên chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ theo kế hoạch hoặc hợp đồng vận chuyên.

## **Điều 7. Thiết kế, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy**

1. Dự án, công trình thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP khi xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng; phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy khi chế tạo mới hoặc hoán cải phải thiết kế bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định và phải do đơn vị có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP thực hiện.

2. Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là việc kiểm tra, đối chiếu các giải pháp, nội dung thiết kế dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy được phép áp dụng tại Việt Nam.

3. Trình tự, nội dung thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.

Khi hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của dự án, công trình, hồ sơ thiết kế kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy đáp ứng các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy thì cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (mẫu số PC03) và đóng dấu đã thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (mẫu số PC04) vào bản thuyết minh, các bản vẽ đã được thẩm duyệt và trả lại cho chủ đầu tư hoặc chủ phương tiện 01 bộ, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trực tiếp thẩm duyệt giữ 01 bộ.

4. Dự án, công trình chỉ cải tạo một phần, nếu không ảnh hưởng đến điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy của dự án, công trình đó thì chỉ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với phần cải tạo.

5. Phân cấp thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

a) Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm A (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư); dự án, công trình có chiều cao từ 100m trở lên; tàu hỏa chuyên dùng để vận chuyển hành khách, vận chuyển xăng, dầu, chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm về cháy, nổ; tàu thủy chuyên dùng để vận chuyển hành

khách có chiều dài từ 50m trở lên, vận chuyển xăng, dầu, chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm về cháy, nổ có trọng tải toàn phần từ 1.000 tấn trở lên; dự án đầu tư xây dựng công trình do Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh hoặc chủ đầu tư đề nghị;

b) Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy không thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn quản lý và những trường hợp do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ủy quyền.

## 6. Xử lý chuyển tiếp

a) Đối với dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3a Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 46/2012/NĐ-CP) thuộc danh mục dự án, công trình quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP đã được cơ quan quản lý xây dựng, chủ đầu tư tự thẩm định, phê duyệt thiết kế và đã tổ chức thi công về phòng cháy và chữa cháy trước ngày Nghị định số 79/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì cơ quan quản lý xây dựng, chủ đầu tư tiếp tục nghiệm thu và chịu trách nhiệm về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình;

b) Đối với dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3a Nghị định số 46/2012/NĐ-CP thuộc danh mục dự án, công trình quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP đã được cơ quan quản lý xây dựng, chủ đầu tư tự thẩm định, phê duyệt thiết kế nhưng chưa tổ chức thi công về phòng cháy và chữa cháy sau ngày Nghị định số 79/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì chủ đầu tư phải trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy để thẩm duyệt theo quy định;

c) Đối với dự án, công trình đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy mà chưa thi công hoặc đang thi công về phòng cháy và chữa cháy, nếu có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới về phòng cháy và chữa cháy thì chủ đầu tư tiếp tục tổ chức thi công theo hồ sơ thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm duyệt. Trong trường hợp này, căn cứ vào tình hình thực tế, chủ đầu tư có thể áp dụng các giải pháp điều chỉnh phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới được ban hành.



## **Điều 8. Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy**

1. Dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, trước khi đưa vào sử dụng phải được chủ đầu tư, chủ phương tiện tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo hồ sơ thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của chủ đầu tư, chủ phương tiện giao thông cơ giới, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đã thẩm duyệt trước đó có trách nhiệm tổ chức kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo nội dung quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP. Việc kiểm tra phải được lập biên bản (mẫu số PC05).

3. Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Thông tin về tên công trình hoặc phương tiện; địa điểm xây dựng; chủ đầu tư hoặc chủ phương tiện;
- b) Nội dung đã được tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
- c) Các yêu cầu khác (nếu có).

## **Điều 9. Thông báo về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy**

1. Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP và phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy, trước khi đưa vào hoạt động, người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông cơ giới phải có văn bản thông báo với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy (mẫu số PC06); đồng thời, gửi kèm theo các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy quy định tại Khoản 1 Điều 7 và Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.

2. Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới thuộc đối tượng phải thông báo theo quy định tại Khoản 1 Điều này khi cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng thì trước khi đưa vào hoạt động, người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông cơ giới phải có văn bản thông báo như lần đầu với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

3. Văn bản thông báo về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy có thể gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy địa phương nơi trực tiếp quản lý cơ sở, phương tiện.

4. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thực hiện việc quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới sau khi nhận được văn bản thông báo.

### **Điều 10. Thủ tục kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy**

1. Người có trách nhiệm kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế và yêu cầu bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy quy định cụ thể về thời gian, số lần kiểm tra thường xuyên, định kỳ về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình.

#### **2. Kiểm tra thường xuyên**

Người có trách nhiệm kiểm tra thường xuyên về an toàn phòng cháy và chữa cháy phải xây dựng kế hoạch, nội dung kiểm tra trước khi tổ chức thực hiện việc kiểm tra.

#### **3. Kiểm tra định kỳ, đột xuất**

a) Người có trách nhiệm kiểm tra định kỳ phải thông báo trước 03 ngày làm việc cho đối tượng được kiểm tra về thời gian, nội dung và thành phần đoàn kiểm tra;

b) Người có trách nhiệm kiểm tra đột xuất về an toàn phòng cháy và chữa cháy phải thông báo rõ lý do kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra. Cán bộ Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy khi thực hiện công tác kiểm tra đột xuất phải xuất trình giấy giới thiệu của cơ quan trực tiếp quản lý;

c) Đối tượng được kiểm tra phải chuẩn bị đầy đủ các nội dung kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đã được thông báo và bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm để làm việc với người có trách nhiệm kiểm tra khi nhận được thông báo về việc kiểm tra.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết gọn là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) trở lên khi tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở, địa bàn do cấp dưới quản lý thì phải

thông báo cho cấp quản lý cơ sở, địa bàn đó biết. Trường hợp cần thiết thì yêu cầu cấp quản lý cơ sở, địa bàn đó tham gia đoàn kiểm tra, cung cấp tài liệu và tình hình liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy của cơ sở, địa bàn được kiểm tra. Kết quả kiểm tra được thông báo cho cấp quản lý cơ sở, địa bàn biết.

5. Việc kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất về an toàn phòng cháy và chữa cháy phải được lập biên bản (mẫu số PC05).

**Điều 11. Thủ tục tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động và phục hồi hoạt động đối với cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, cá nhân**

1. Thủ tục tạm đình chỉ hoạt động

a) Khi phát hiện trường hợp bị tạm đình chỉ hoạt động theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP thì người có thẩm quyền tạm đình chỉ hoạt động theo quy định tại Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân ngừng hoạt động hoặc chấm dứt hành vi vi phạm và thực hiện theo các quy định sau đây:

- Lập biên bản xác định phạm vi nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ hoặc hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy;

- Ra quyết định hoặc báo cáo người có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động.

b) Việc ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động phải bằng văn bản (mẫu số PC07). Trường hợp cấp thiết có thể ra quyết định tạm đình chỉ bằng lời nói và ngay sau đó phải thể hiện quyết định bằng văn bản. Khi ra quyết định tạm đình chỉ bằng lời nói phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, phạm vi và những hoạt động bị tạm đình chỉ.

Người ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động có trách nhiệm tổ chức theo dõi việc khắc phục, loại trừ nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ.

2. Thủ tục đình chỉ hoạt động

a) Khi hết thời hạn tạm đình chỉ hoạt động, người có thẩm quyền đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động trước đó có trách nhiệm tổ chức kiểm tra cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và hoạt động của cá nhân bị tạm đình chỉ để xem xét khả năng loại trừ nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ hoặc khắc phục vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy. Việc kiểm tra phải được lập biên bản (mẫu số PC05);

b) Kết thúc kiểm tra, nếu xét thấy nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ chưa được loại trừ hoặc vi phạm không được khắc phục hoặc không thể khắc phục được và có nguy cơ cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng thì người có thẩm quyền đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động trước đó xem xét, ra quyết định đình chỉ hoạt động của cơ sở, hộ gia đình, phương tiện giao thông cơ giới, hoạt động của cá nhân (mẫu số PC08).

### 3. Thủ tục phục hồi hoạt động

a) Trong thời hạn tạm đình chỉ hoạt động hoặc hết thời hạn tạm đình chỉ hoạt động, nếu xét thấy nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ đã được loại trừ hoặc vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy đã được khắc phục thì người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông cơ giới, cá nhân phải làm đơn đề nghị (mẫu số PC09) gửi người có thẩm quyền đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động trước đó xem xét, quyết định cho phục hồi hoạt động (mẫu số PC10);

b) Cơ sở, hộ gia đình, phương tiện giao thông cơ giới, cá nhân đã bị đình chỉ hoạt động, nếu sau đó đáp ứng đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy và muốn hoạt động trở lại thì người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông cơ giới, cá nhân phải làm đơn đề nghị (mẫu số PC09) gửi người có thẩm quyền đã ra quyết định đình chỉ hoạt động trước đó xem xét, quyết định cho phục hồi hoạt động;

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cho phục hồi hoạt động, người đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động, đình chỉ hoạt động trước đó phải tổ chức kiểm tra, xem xét kết quả khắc phục nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ, khắc phục vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy hoặc các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy. Kết quả kiểm tra phải được lập biên bản (mẫu số PC05).

Trường hợp nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ đã được loại trừ hoặc vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy đã được khắc phục hoặc đã đáp ứng các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy thì ra quyết định cho phục hồi hoạt động (mẫu số PC10).

4. Quyết định tạm đình chỉ hoạt động, quyết định đình chỉ hoạt động, quyết định cho phục hồi hoạt động phải được giao cho đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động, cấp trên trực tiếp quản lý của đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động có trụ sở hoặc cư trú; trường hợp các hoạt động bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động có liên quan tới nhiều đối tượng thì phải giao cho mỗi đối tượng một quyết định.

## Mục 2 CHỮA CHÁY

### **Điều 12. Phương án chữa cháy**

#### 1. Xây dựng phương án chữa cháy

a) Phương án chữa cháy của cơ sở (mẫu số PC11);

b) Phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (mẫu số PC12);

c) Phương án chữa cháy phải được người có thẩm quyền phê duyệt lại khi có thay đổi tình huống cháy phức tạp nhất hoặc thay đổi từ hai tình huống cháy đặc trưng trở lên. Trường hợp phương án chữa cháy chỉ thay đổi một tình huống cháy đặc trưng thì do người đứng đầu đơn vị, cơ sở xây dựng phương án phê duyệt.

2. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy khi xây dựng phương án chữa cháy đối với cơ sở hạt nhân, cơ sở trên địa bàn cấp xã giáp ranh của hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ sở, khu dân cư quy định tại Điều 13 Thông tư này phải thông báo trước 03 ngày làm việc cho người đứng đầu cơ sở, khu dân cư về thời gian xây dựng phương án. Người đứng đầu cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết liên quan tới việc xây dựng phương án chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, bố trí người tham gia và bảo đảm các điều kiện để xây dựng phương án chữa cháy.

#### 3. Thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với cơ sở không thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình;

b) Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thuộc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP thuộc phạm vi địa bàn quản lý; phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP;

phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở, khu dân cư thuộc phạm vi địa bàn quản lý; trường hợp đặc biệt do Giám đốc Công an cấp tỉnh phê duyệt;

d) Giám đốc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh phê duyệt phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có huy động lực lượng, phương tiện của từ 02 đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trực thuộc trở lên hoặc huy động lực lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức nằm ngoài địa bàn quản lý của 01 đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trực thuộc trên địa bàn quản lý;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở trên địa bàn cấp xã giáp ranh của hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và phương án chữa cháy có huy động lực lượng, phương tiện của Quân đội đóng ở địa phương;

e) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phê duyệt phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có huy động lực lượng, phương tiện của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

#### 4. Chế độ thực tập phương án chữa cháy

a) Phương án chữa cháy của cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP phải được tổ chức thực tập định kỳ, số lần thực tập do người có thẩm quyền xây dựng phương án chữa cháy quyết định nhưng không ít hơn một lần/năm; mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án đều được thực tập;

b) Phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy được tổ chức thực tập khi có yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Khoản 3 Điều này. Người có thẩm quyền yêu cầu tổ chức thực tập phương án chữa cháy phải thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở nơi dự kiến tổ chức thực tập trước thời điểm thực tập ít nhất 30 ngày làm việc và gửi yêu cầu huy động lực lượng, phương tiện cho các cơ quan, tổ chức, địa phương nơi có lực lượng, phương tiện được huy động trước thời điểm thực tập ít nhất 20 ngày làm việc. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở nơi tổ chức thực tập phương án chữa cháy có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức thực tập phương án chữa cháy;

c) Phương án chữa cháy được tổ chức thực tập đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương hoặc quốc gia theo yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy quy định tại Khoản 3 Điều này.

**Điều 13. Danh mục cơ sở, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao do cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm xây dựng phương án chữa cháy**

Ban hành kèm theo Thông tư này danh mục cơ sở, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao do cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm xây dựng phương án chữa cháy (Phụ lục I).

**Điều 14. Thủ tục huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy**

1. Việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy phải được thể hiện bằng lệnh huy động (mẫu số PC13); trường hợp khẩn cấp, lệnh huy động có thể bằng lời nói, nhưng chậm nhất không quá 03 ngày làm việc phải thể hiện lệnh đó bằng văn bản.

2. Người ra lệnh bằng lời nói phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, đồng thời phải nêu rõ yêu cầu về người, phương tiện, tài sản cần huy động, thời gian, địa điểm tập kết.

### Mục 3

## TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

**Điều 15. Tổ chức hoạt động của lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành**

1. Tổ chức, biên chế đội dân phòng, tổ dân phòng

a) Đội dân phòng có biên chế từ 10 người đến 20 người, trong đó 01 đội trưởng và 01 đội phó; biên chế trên 20 người đến 30 người được biên chế thêm 01 đội phó. Đội dân phòng có thể được chia thành các tổ dân phòng; biên chế của tổ dân phòng từ 05 đến 10 người, trong đó có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó;

b) Cán bộ, đội viên đội dân phòng là những người thường xuyên có mặt tại nơi cư trú;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định bổ nhiệm đội trưởng, đội phó đội dân phòng, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phòng;

d) Công an cấp xã có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập đội dân phòng và trực tiếp chỉ đạo hoạt động của đội dân phòng.

2. Tổ chức, biên chế đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hoạt động theo chế độ không chuyên trách

a) Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới có dưới 10 người thường xuyên làm việc thì tất cả những người làm việc tại cơ sở đó là thành viên đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và do người lãnh đạo cơ sở, chỉ huy phương tiện giao thông cơ giới đó chỉ huy, chỉ đạo;

b) Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới có từ 10 người đến 50 người thường xuyên làm việc thì biên chế của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở tối thiểu là 10 người, trong đó có 01 đội trưởng;

c) Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới có trên 50 người đến 100 người thường xuyên làm việc thì biên chế của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở tối thiểu là 15 người, trong đó có 01 đội trưởng và 01 đội phó;

d) Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới có trên 100 người thường xuyên làm việc thì biên chế của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở tối thiểu là 25 người, trong đó có 01 đội trưởng và 02 đội phó;

đ) Phương tiện giao thông cơ giới, cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập hoặc làm việc theo ca thì mỗi bộ phận, phân xưởng, mỗi ca làm việc có 01 tổ phòng cháy và chữa cháy cơ sở; biên chế của tổ phòng cháy và chữa cháy cơ sở tối thiểu từ 05 đến 09 người, do đội trưởng hoặc đội phó kiêm tổ trưởng.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới ra quyết định bổ nhiệm đội trưởng, đội phó đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

3. Tổ chức, biên chế đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hoạt động theo chế độ chuyên trách

a) Biên chế của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hoạt động theo chế độ chuyên trách phải bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy của cơ sở và phù hợp với tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ của cơ sở đó. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở xem xét, quyết định về tổ chức, biên chế của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hoạt động theo chế độ chuyên trách. Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hoạt động theo chế độ chuyên trách làm việc theo ca, bảo đảm thường trực 24/24 giờ trong ngày. Ban lãnh đạo đội gồm có 01 đội trưởng và các đội phó giúp việc;



b) Trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở được thực hiện theo quy định của Bộ Công an; cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy hướng dẫn về nghiệp vụ chữa cháy.

4. Ngoài các cơ sở phải lập đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành theo quy định tại Khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật phòng cháy và chữa cháy thì tại các cơ sở là kho dự trữ quốc gia; kho xăng dầu có trữ lượng 50.000 m<sup>3</sup> trở lên; nhà máy điện hạt nhân, nhà máy điện có công suất từ 200 MW trở lên; cơ sở sản xuất giấy 35.000 tấn/năm trở lên, cơ sở sản xuất phân đạm 180.000 tấn/năm trở lên, cơ sở dệt 20 triệu mét vuông/năm; nhà máy lọc dầu; khu công nghiệp, khu chế xuất có diện tích từ 50 héc ta trở lên phải lập đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

Biên chế của đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành phải bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy của cơ sở và phù hợp với tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ của cơ sở đó. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở xem xét, quyết định về tổ chức, biên chế của đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành. Đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành làm việc theo ca, bảo đảm thường trực 24/24 giờ trong ngày. Ban lãnh đạo đội gồm có 01 đội trưởng và các đội phó giúp việc.

5. Người ra quyết định thành lập đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành có trách nhiệm duy trì hoạt động, định kỳ hàng năm tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy, tổ chức phân loại chất lượng hoạt động của đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành.

#### **Điều 16. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy**

1. Đối tượng huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy

a) Người có chức danh chỉ huy chữa cháy quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật phòng cháy và chữa cháy;

b) Cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

c) Người làm việc trong môi trường có nguy hiểm về cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với các chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ;

d) Người chỉ huy tàu thủy, tàu hỏa, tàu bay, người làm việc và phục vụ trên phương tiện giao thông cơ giới có từ 30 chỗ ngồi trở lên, trên phương tiện vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ;

đ) Người làm việc trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy;

e) Các cá nhân khác có yêu cầu được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở có trách nhiệm tổ chức các lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Người đứng đầu cơ sở đào tạo, dạy nghề lái xe ô tô có trách nhiệm đưa nội dung kiến thức phòng cháy và chữa cháy vào nội dung, chương trình đào tạo.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cơ sở không tự tổ chức được lớp huấn luyện hoặc cá nhân có nhu cầu được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy thì phải có đơn đề nghị cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tổ chức lớp huấn luyện. Kinh phí tổ chức lớp huấn luyện do cơ quan, tổ chức, cơ sở hoặc cá nhân tham gia lớp huấn luyện chịu trách nhiệm.

3. Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy

a) Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu: Từ 16 đến 24 giờ đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Thời gian huấn luyện lại đề được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy sau khi giấy này hết thời hạn sử dụng tối thiểu là 16 giờ.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy gửi cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, cụ thể:

a) Đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở tự tổ chức lớp huấn luyện, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện;

- Kế hoạch, chương trình nội dung huấn luyện;

- Danh sách trích ngang lý lịch của người đã dự lớp huấn luyện.

b) Đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở không tự tổ chức lớp huấn luyện, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị tổ chức huấn luyện;

- Danh sách trích ngang lý lịch của người đăng ký dự lớp huấn luyện.

c) Cá nhân có nhu cầu được huấn luyện và xin cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy phải nộp đơn đăng ký dự lớp huấn luyện (mẫu số PC14).

5. Thủ tục cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy

a) Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu thì được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (mẫu số PC15);

b) Trường hợp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy bị rách, cũ nát hoặc bị mất, hết thời hạn sử dụng thì phải có đơn đề nghị xin đổi, cấp lại.

Thời gian cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy là 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu hoặc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xin đổi, cấp lại.

6. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy do Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Giám đốc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh cấp và có giá trị sử dụng trên phạm vi cả nước trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp. Hết thời hạn này, phải huấn luyện lại để được cấp giấy chứng nhận mới.

**Điều 17. Thủ tục điều động lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy**

1. Đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành khi được điều động tham gia tuyên truyền, mít tinh, diễu hành, hội thao về phòng cháy và chữa cháy, thực tập phương án chữa cháy; tham gia khắc phục nguy cơ phát sinh cháy, nổ; khắc phục hậu quả vụ cháy và những hoạt động phòng cháy và chữa cháy khác có trách nhiệm thực hiện theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

2. Thủ tục điều động lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy phải có quyết định bằng văn bản (mẫu số PC16); trong trường hợp khẩn cấp thì được điều động bằng lời nói, nhưng chậm nhất không quá 03 ngày làm việc phải có quyết định bằng văn bản. Khi điều động bằng lời nói, người điều động phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, địa chỉ, số điện thoại liên lạc và nêu rõ yêu cầu về số lượng người cần điều động, thời gian, địa điểm có mặt và nội dung hoạt động.

3. Quyết định điều động được gửi cho đối tượng có nghĩa vụ chấp hành và lưu hồ sơ.

## Mục 4

### KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN, CHỨNG CHỈ, GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY; BIỂU MẪU ĐỀ SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

#### Điều 18. Kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

##### 1. Nội dung kiểm định

- a) Kiểm định chủng loại, mẫu mã phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
- b) Kiểm định thông số kỹ thuật liên quan đến chất lượng phương tiện.

##### 2. Phương thức kiểm định

- a) Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ, thời gian sản xuất, số sêri và các thông số kỹ thuật của phương tiện;
- b) Kiểm tra chủng loại, mẫu mã phương tiện;
- c) Kiểm tra, thử nghiệm, thực nghiệm theo phương pháp lấy mẫu xác suất; đối với mỗi lô hàng cùng chủng loại, mẫu mã tiến hành kiểm định không quá 5% số lượng phương tiện cần kiểm định, nhưng không ít hơn 10 mẫu; trường hợp kiểm định dưới 10 phương tiện thì kiểm định toàn bộ;
- d) Đánh giá kết quả và lập biên bản kiểm định phương tiện (mẫu số PC18).

3. Mỗi phương tiện phòng cháy và chữa cháy chỉ phải kiểm định một lần, nếu đạt kết quả sẽ được cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (mẫu số PC19) và dán tem kiểm định (mẫu số PC20).

##### 4. Thủ tục kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

###### a) Hồ sơ đề nghị kiểm định, gồm:

- Đơn đề nghị kiểm định phương tiện (mẫu số PC17);
- Các tài liệu kỹ thuật của phương tiện đề nghị kiểm định;
- Chứng nhận chất lượng của phương tiện (nếu có);
- Chứng nhận xuất xưởng của phương tiện.

Hồ sơ đề nghị kiểm định nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt và cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm định phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch đó. Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm định và cung cấp mẫu phương tiện cần kiểm định cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

b) Chậm nhất không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và mẫu phương tiện cần kiểm định, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền phải có kết quả và trả kết quả kiểm định. Đối với các phương tiện khi kiểm định phải phụ thuộc vào việc lắp đặt hệ thống đồng bộ phương tiện thì cơ quan tiến hành kiểm định cần thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm định biết và thống nhất thời gian trả kết quả kiểm định.

Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn kèm theo biên bản kiểm định của đơn vị kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều này, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền phải xem xét, cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

5. Phân cấp kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định đối với phương tiện phòng cháy và chữa cháy quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP;

b) Giám đốc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh thực hiện kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định đối với phương tiện phòng cháy và chữa cháy quy định tại các mục 2, 7, 8 và 9 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, các loại máy bơm chữa cháy của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở có trụ sở đóng trên địa bàn quản lý và các loại phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có văn bản ủy quyền kiểm định;

c) Các đơn vị khác được Bộ Công an cho phép thực hiện kiểm định đối với phương tiện phòng cháy và chữa cháy quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP. Sau khi có kết quả kiểm định phải gửi công văn kèm theo biên bản kiểm định đề nghị Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc Giám đốc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh theo thẩm quyền kiểm định để xem xét, cấp giấy chứng nhận kiểm định.

6. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xây dựng, ban hành quy trình kiểm định, quản lý và hướng dẫn thực hiện việc kiểm định đối với phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

**Điều 19. Thủ tục, thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy**

1. Thủ tục cấp, đổi, cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị (mẫu số PC21) và các giấy tờ hợp lệ theo quy định tại các điểm b, c, d và đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền phải tổ chức kiểm tra các điều kiện về địa điểm hoạt động, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị bảo đảm cho hoạt động kinh doanh. Kết quả kiểm tra phải được lập biên bản (mẫu số PC05). Trường hợp doanh nghiệp, cơ sở đủ điều kiện theo quy định thì cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (mẫu số PC22); trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

b) Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy được cấp lại hoặc đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Cấp lại, đổi giấy xác nhận do bị mất, hỏng: Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị;

- Trường hợp đổi giấy xác nhận khi doanh nghiệp, cơ sở có sự thay đổi về tên gọi, người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi địa điểm, ngành, nghề kinh doanh dịch vụ về phòng cháy và chữa cháy, hồ sơ gồm: Đơn đề nghị đổi giấy xác nhận; bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp, cơ sở sau khi thay đổi. Thời hạn giải quyết đổi giấy xác nhận không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp, đổi, cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy cho doanh nghiệp, cơ sở thuộc các Bộ, ngành ở Trung ương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Giám đốc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh cấp, đổi, cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy cho các doanh nghiệp, cơ sở ở địa phương và những trường hợp do Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ủy quyền.

## **Điều 20. Chứng chỉ về phòng cháy và chữa cháy**

1. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy do cơ sở có chức năng đào tạo nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy cấp và có giá trị sử dụng trên phạm vi toàn quốc.

2. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy

a) Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy, gồm 02 bộ (kèm theo 02 ảnh màu cỡ 3x4), cụ thể:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy kèm theo bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn (mẫu số PC23);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ có liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy.

b) Trong thời hạn 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điểm a Khoản này, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm xem xét, cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy cho cá nhân (mẫu số PC24).

3. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy khi chứng chỉ hết thời hạn sử dụng hoặc bị mất; đổi chứng chỉ khi bị hỏng hoặc cá nhân đề nghị bổ sung nội dung hành nghề tư vấn mới, cụ thể:

a) Trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn, cá nhân phải làm đơn đề nghị cấp lại (mẫu số PC23) gửi cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đã cấp trước đó;

b) Trường hợp đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn do bị hỏng, ngoài việc gửi đơn đề nghị, cá nhân còn phải nộp lại chứng chỉ cũ đã cấp;

c) Trường hợp đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn khi bổ sung nội dung hành nghề tư vấn mới, cá nhân phải nộp hồ sơ, gồm: Đơn đề nghị (mẫu số PC23); bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ có liên quan đến nội dung đề nghị đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn.

d) Thời hạn cấp lại, đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn

- Thời hạn cấp lại, đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn do bị hỏng là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị;

- Thời hạn đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn khi cá nhân đề nghị bổ sung nội dung hành nghề tư vấn mới là 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy có giá trị sử dụng trên phạm vi toàn quốc và có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.

#### **Điều 21. Quy định về biểu mẫu**

Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu để sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy (Phụ lục II); cụ thể:

1. Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ (Mẫu số PC01).
2. Đơn đề nghị cấp giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ (Mẫu số PC02).
3. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC03).
4. Mẫu dấu thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC04).
5. Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC05).
6. Văn bản thông báo về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC06).
7. Quyết định tạm đình chỉ hoạt động (Mẫu số PC07).
8. Quyết định đình chỉ hoạt động (Mẫu số PC08).
9. Đơn đề nghị cho phục hồi hoạt động (Mẫu số PC09).
10. Quyết định cho phục hồi hoạt động (Mẫu số PC10).
11. Phương án chữa cháy của cơ sở (Mẫu số PC11).
12. Phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC12).
13. Lệnh huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy (Mẫu số PC13).
14. Đơn đăng ký dự lớp huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC14).
15. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC15).
16. Quyết định điều động lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC16).
17. Đơn đề nghị kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC017).
18. Biên bản kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC18).



19. Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC19).

20. Tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC20).

21. Đơn đề nghị cấp/cấp lại/đổi giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC21).

22. Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC22).

23. Đơn đề nghị cấp/cấp lại/đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy và bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC23).

24. Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC24).

Công an các đơn vị, địa phương khi in các biểu mẫu quy định tại Điều này phải in thống nhất trên khổ giấy A4 (trừ các biểu mẫu PC01, PC03, PC04, PC15, PC19, PC20, PC22 và PC24 do Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ in, cấp phát) và không được tự ý thay đổi nội dung biểu mẫu; có trách nhiệm quản lý việc in, cấp phát, sử dụng biểu mẫu và có sổ sách để theo dõi.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2015 và thay thế Thông tư số 11/2014/TT-BCA ngày 12/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 và Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Chương III Thông tư số 35/2010/TT-BCA ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm.

#### **Điều 23. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Các Tổng Cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.